TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Giang và bà Đoàn Phương Thảo

- ***Thư ký phiên toà:*** bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa: bà Tạ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023. Tại phòng xử án Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023 về "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Phùng Xuân N, sinh năm 1966; nơi thường trú: thôn 11, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1973; nơi cư trú cuối cùng trước khi mất tích: thôn 11, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2023 và bản tự khai ngày 31/5/2023 nguyên đơn anh Phùng Xuân N trình bày:

Anh Phùng Xuân N và chị Nguyễn Thị V đăng ký kết hôn ngày 11/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình chung sống do làm ăn thua lỗ dẫn tới nợ nần nên chị V đã bỏ nhà đi từ năm 2014 đến nay không thấy chị V có mặt ở địa phương; kể từ khi bỏ đi đến nay anh N đã tìm mọi biện pháp để tìm kiếm theo quy định của pháp luật. Ngày 13/4/2023 Tòa án nhân dân thành phố M đã ra Quyết định tuyên bố chị V mất tích, từ đó đến nay chị V vẫn chưa trở về cũng không có tin tức gì về việc chị V còn sống hay đã chết. Nay anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố M giải quyết cho anh N được ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

- Về con chung: anh Phùng Xuân N và chị Nguyễn Thị V có 01 (một) con chung là Phùng Tấn S, sinh ngày 11/9/2012, hiện đang sinh sống cùng anh N tại thôn 11, xã H, thành phố M. Do chị V đã mất tích nên đề nghị Tòa án giải quyết

cho anh N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu S cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung, khoản nợ chung: anh Phùng Xuân N và chị Nguyễn Thị V không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị V đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số: 02/2023/QĐST-VDS ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng hiện nay chị V vẫn chưa trở về địa phương và không có tin tức gì. Vì vậy, chị V không có mặt để thể hiện ý kiến của mình về vụ án.

Theo kết quả xác minh tại Công an xã H, thành phố M được biết: chị Nguyễn Thị V và anh Phùng Xuân N có nơi thường trú tại thôn 11, xã H, thành phố M kể từ khi Tòa án nhân dân thành phố M tuyên bố chị V mất tích đến ngày 07/7/2023 đã hơn 02 tháng không thấy chị V có mặt ở địa phương cũng như có tin tức gì về chị V còn sống hay đã chết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử đã đảm bảo đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa nên không thực hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phùng Xuân N; về con chung: giao cháu Phùng Tấn S cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi; về tài sản chung, khoản nợ chung: không có, nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: về quan hệ tranh chấp anh Phùng Xuân N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, theo qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại thôn 11, xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự, bị đơn chị Nguyễn Thị V bị tuyên bố mất tích nên Tòa án không tiến hành hòa giải, chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh Phùng Xuân N vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Thị V đã được Tòa án nhân dân thành

phố M tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo qui định của pháp luật nhưng chị V vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt anh N và chị V theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn anh Phùng Xuân N và bị đơn chị Nguyễn Thị V kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn và thủ tục kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị V là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân dẫn đến anh N xin ly hôn chị V là do chị V bỏ nhà và địa phương đi đâu, làm gì từ năm 2014 không có tin tức và bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số: 02/2023/QĐST-VDS ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi bị Tòa án tuyên bố mất tích và quá trình thụ lý giải quyết vụ án ly hôn chị V không có mặt tại địa phương cũng như không có tin tức chị V còn sống hay đã chết. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh Phùng Xuân N là có căn cứ phù hợp qui định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: anh Phùng Xuân N và chị Nguyễn Thị V có 01 (một) con chung là Phùng Tấn S, sinh ngày 11/9/2012. Anh N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu S từ khi chị V bỏ nhà đi cho đến nay, có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo để chăm sóc nuôi dưỡng cháu S phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần; mặt khác, còn phù hợp với nguyện vọng của cháu S, hơn nữa chị V đã mất tích, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu S cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Trong thời gian anh N trực tiếp nuôi cháu S mà chị V trở về, nếu con chưa đủ 18 tuổi, khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, khoản nợ chung không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: anh Phùng Xuân N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghi quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Xuân N.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Phùng Xuân N được ly hôn chị Nguyễn Thị V.

2. Về con chung: giao con chung Phùng Tấn S, sinh ngày 11/9/2012 cho anh Phùng Xuân N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Trong thời gian anh N trực tiếp nuôi con chung mà chị V trở về, nếu con chưa đủ 18 tuổi, khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: anh Phùng Xuân N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0007723, ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M; anh N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố M;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã H, TP. M;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương